

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH
TỈNH B**

Bản án số: 99/2020/HSST
Ngày 21/12 /2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH - B**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hòa

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Quế
2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 88/2020/HSST ngày 08/10/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Tá D**, sinh năm 1997

Nơi ĐKKHKT: Phố H, thị trấn H, huyện Th, tỉnh B

Nghề nghiệp: Lao động tự do, Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tá M, sinh năm 1963; Con bà: Dương Thị D, sinh năm 1962. Vợ, con: chưa có; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con út; Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại ở địa phương.
(Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Th, tỉnh B. (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn B, thị trấn H, huyện Th, tỉnh B (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn L, thị trấn H, huyện Th, tỉnh B

(Vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn B, thị trấn H, huyện Th, tỉnh B (Vắng mặt)

4. Anh Phạm Anh A, sinh năm 1995

HKTT: Ấp Đ, thị trấn H, huyện Th, tỉnh B

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 2 Trại giam Ng - C10 – Bộ Công an.
(Vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

5. Bà Dương Thị D, sinh năm 1962

Địa chỉ: Phố H, thị trấn H, huyện Th, tỉnh B. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 18/12/2019, anh Nguyễn Xuân K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS 99T1-8243, có số khung 0803AY002686, số máy HA08E1302706 chở anh Nguyễn Viết C sinh năm 1997 ở cùng thôn đến quán Internet Sky ở thị trấn Hồ, huyện Th, tỉnh B tìm anh Nguyễn Đức M sinh năm 1996 ở cùng thôn để nhờ anh M mang chiếc xe mô tô trên đi cầm cố hộ lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi đến nơi, thấy anh M và Nguyễn Tá D đang chơi game. Tại đây, anh K bảo anh M là anh K đang cần tiền có chỗ nào cầm cố được thì mang xe mô tô trên của anh K đi cầm cố hộ mấy hôm thì anh K sẽ chuộc về. Do mãi chơi game và không biết chỗ nào nhận cầm cố xe mô tô nên anh M nhờ D mang xe mô tô trên của anh K đi cầm cố. D đồng ý và hỏi anh K cầm cố xe lấy bao nhiêu tiền thì anh K bảo cầm cố lấy khoảng 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Nghe vậy, D hỏi anh K xe có đăng ký không đưa cho D để D mang đi cầm cố thì anh K bảo có, đồng thời đưa cho D 01 đăng ký xe và chìa khóa xe cùng chiếc xe mô tô nêu trên cho D. Đồng thời, anh K bảo D cầm cố được xe thì mang tiền về quán Internet Sky đưa cho anh K. Tuy nhiên, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên sau khi được anh K giao chiếc xe mô tô trên để đi cầm cố, D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của anh K. Sau đó, D điều khiển xe mô tô trên đến nhà bà Hoàng Thị M sinh năm 1954 ở Thôn B, thị trấn H, huyện Th, tỉnh B cầm cố nhưng bà M không đồng ý. Vì vậy, D nói dối bà M về việc bạn D bị tai nạn cần tiền gấp và bảo bà M cho D vay số tiền 5.000.000 đồng, D để giấy tờ xe và xe mô tô lại cho bà M để làm tin. Bà M đồng ý cho D vay số tiền trên. Đến buổi trưa cùng ngày, sau khi tiêu hết số tiền 5.000.000 đồng, D đến nhà anh Nguyễn Ngọc D sinh năm 1989 ở thôn L, thị trấn H, huyện Th, tỉnh B (bạn của D). Khi gặp anh D, D nói có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream và đang cần tiền nên muốn bán. Nghe vậy, anh D hỏi D “xe của ai, có đăng ký không”, trả lời “xe của em, có đăng ký nhưng hiện tại em đang vay tiền của bà M và để chiếc xe mô tô ở đó nếu anh mua thì đi cùng em đến nhà bà M chuộc xe em bán cho”. Anh D đồng ý. Sau đó, anh D điều khiển xe mô tô của anh D chở D đến nhà bà M. Tại đây, D bảo bà M cho

chuộc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 99T1-8243. Bà M đồng ý và bảo D trả bà số tiền 5.000.000 đồng mà D đã mượn trước đó, đồng thời D tự nguyện đưa cho bà M 500.000 đồng để cảm ơn bà M đã cho D vay tiền. Do không có tiền nên D bảo anh D ứng trước 5.500.000 đồng để chuộc xe về, số tiền còn lại khi về nhà sẽ thanh toán nốt. Trên đường về, D và anh D thống nhất đến nhà anh Nguyễn Trọng Q sinh năm 1982, trú tại thôn B, thị trấn H, huyện Th, tỉnh B, viết giấy mua bán xe và nhờ anh Q chứng kiến. Khi đến nhà anh Q, D và anh D thấy anh Q không có nhà nên D và anh D đã viết giấy mua bán chiếc xe mô tô trên với giá 11.500.000 đồng và hẹn anh D khoảng 2-3 ngày sau sẽ đến chuộc lại xe. Anh D đồng ý và trả cho D số tiền còn lại là 6.000.000 đồng. D cầm số tiền trên rồi đi về nhà, sau đó sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết. Đến buổi sáng ngày 19/12/2019, D sử dụng điện thoại Nokia 1280 màu đen lắp sim số 0981.149.902 gọi điện thoại cho anh D bảo anh D trả thêm cho D 1.000.000 đồng tiền mua xe và D sẽ không chuộc lại xe nữa. Anh D đồng ý, hẹn D đến nhà anh Q và đã đưa cho D số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi mua được xe, anh D không có nhu cầu sử dụng nên đã bán lại cho chị Nguyễn Thị T sinh năm 1993 ở Thôn B, thị trấn H, huyện Th, tỉnh B với giá 13.000.000 đồng.

Còn anh K sau khi nhờ D đi cầm cố xe mô tô hộ nhưng không thấy D quay lại đưa tiền. Sau đó, anh K nhiều lần gọi điện thoại cho D để đòi xe nhưng D không nghe máy. Anh K nhiều lần đến nhà tìm gặp D nhưng không gặp. Vì vậy, ngày 15/6/2020, anh K đã làm đơn trình báo và đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Th điều tra giải quyết.

Quá trình điều tra, D đã tác động đến gia đình, cụ thể là bà Dương Thị D (mẹ đẻ của D) đến nhà chị T trả số tiền 13.000.000 đồng, chuộc lại chiếc xe mô tô nêu trên của anh K và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Th để phục vụ điều tra.

Ngày 01/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Th ra yêu cầu định giá tài sản số 23 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Th định giá đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream màu nâu, BKS 99T1-8243 (đã qua sử dụng) tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là bao nhiêu?

Tại Kết luận định giá tài sản số 19/KLĐG-HĐĐG ngày 02/7/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thuận Thành kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream màu nâu, BKS 99T1-8243 (đã qua sử dụng) tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là 15.000.000 đồng (*Mười năm triệu đồng*).

Anh K đã nhận lại chiếc xe và không yêu cầu D phải bồi thường gì.

Bản cáo trạng số 84/CTr- VKS ngày 05/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Th đã truy tố Nguyễn Tá D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Cũng tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th duy trì công tố tại phiên tòa đã có đánh giá, phân tích đến hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đề cập đến những tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Tá D theo tội danh và điều luật đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tá D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: Điểm b Khoản 1 Điều 175; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51. Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Tá D từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Miễn hình phạt bổ xung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận bị cáo nhận tội và không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên hôm nay bị cáo Nguyễn Tá D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 18/12/2019, tại quán Internet Sky ở thị trấn H, huyện Th, tỉnh B, anh Nguyễn Xuân K giao xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu nâu, BKS 99T1-8243, đã qua sử dụng của anh Khải cho Nguyễn Tá D để đi cầm cố hộ anh K. Sau đó, D đã lợi dụng sự tin tưởng của anh K, nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên bằng cách mang chiếc xe đi bán được số tiền 12.500.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho anh K. Tại thời điểm bị chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên có trị giá là 15.000.000 đồng (*Mười năm triệu đồng*).

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng của vụ án và các tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm với động cơ tư lợi, mục đích là chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài cá nhân. Do vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Tá D phạm tội “Lạm dụng

tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự đúng như bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là có giá trị và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó đối với bị cáo cần phải xét xử nghiêm trước pháp luật để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2]. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo đã tác động đến gia đình đi chuộc lại chiếc xe mô tô mà bị cáo đã bán giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Th để trả lại cho bị hại. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự nhưng xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định nên cần miễn hình phạt bổ xung cho bị cáo.

- Đối với bà Hoàng Thị M là người cho D vay tiền, D để lại xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, BKS 99T1-8243 ở nhà bà M để làm tin. Bà M không biết chiếc xe mô tô trên là do D phạm tội mà có. Vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Th không đề cập xử lý đối với bà M là phù hợp quy định của pháp luật.

- Đối với anh Nguyễn Ngọc D và chị Nguyễn Thị T là người mua chiếc xe mô tô trên của D. Tuy nhiên khi mua xe mô tô của D, anh D và chị T không biết xe mô tô trên là do D phạm tội mà có. Vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Th không đề cập xử lý đối với anh D và chị T là phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu nâu, BKS 99T1-8243, quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô trên là của Phạm Anh An, sinh năm 1995, trú tại: Ấ, thị trấn H, huyện Th, tỉnh B (là bạn bè quen biết xã hội với anh Khải). Anh A mua chiếc xe mô tô trên của anh Nguyễn Quang C, sinh năm 1967, trú tại: Thôn Y, xã A, huyện Th, tỉnh B vào tháng 08/2019 với giá 23.000.000 đồng. Do anh K không có xe đi lại nên khi anh K hỏi mượn thì anh A đã đồng ý. Khi cho anh K mượn xe, anh An đã nói với anh K phải có trách nhiệm bảo quản xe, không được bán hay tặng cho ai. Do hiện nay anh A đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Ng nên anh A vẫn đồng ý cho anh K mượn và quản lý chiếc xe mô tô trên. Đồng thời, anh A đề nghị Cơ quan CSĐT thu hồi chiếc xe mô

tô trên, trả lại cho anh K để anh K tiếp tục quản lý, sử dụng. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Th đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh K là phù hợp.

Đối với điện thoại Nokia 1280 màu đen lắp sim số 0981.149.902 D sử dụng để liên lạc với anh D ngày 19/12/2019 về việc thỏa thuận số tiền mua bán chiếc xe mô tô nêu trên của anh K, quá trình điều tra xác định: Sau khi gọi cho anh D, vài ngày sau D đã làm mất cùng với chiếc sim nêu trên (là sim rác), D không nhớ đã làm mất ở đâu. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Th không thu hồi được.

[4]. **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại là anh Nguyễn Xuân K vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại cơ quan điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt anh K xác định đã được nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu nâu, BKS 99T1-8243.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị D là mẹ đẻ của bị cáo D trình bày tại phiên tòa hôm nay, bị cáo D đã tác động đến bà đi chuộc lại chiếc xe mô tô số tiền là 13.000.000 đồng mà D đã bán giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Th để trả lại cho anh K. Anh K và bà D không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Bà Hoàng Thị M là người cho D vay tiền, D để lại xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream, BKS 99T1-8243 ở nhà bà M để làm tin sau khi chuộc xe Dũng đã tự nguyện đưa cho bà M 500.000 đồng để cảm ơn.

Anh Nguyễn Ngọc D và chị Nguyễn Thị T là người mua chiếc xe mô tô của D, anh D và chị T không biết xe mô tô trên là do D phạm tội mà có. Anh D được hưởng lợi 500.000 đồng. Bà D đã đến nhà chị T trả số tiền 15.000.000 đồng. (Trong đó 13.000.000 đồng là số tiền bà T mua xe của anh D và bà D tự nguyện đưa trả 2.000.000 đồng là số tiền bà T sửa xe). Trong giai đoạn chờ xét xử bà D đã có đơn đề nghị gửi Tòa án không yêu cầu bị cáo Nguyễn Tá D phải trả cho bà số tiền mà bà bỏ ra để chuộc xe và sửa xe, bà cũng không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc D phải trả lại bà số tiền 500.000 đồng. Nên HĐXX không đặt ra xem xét về phần trách nhiệm dân sự trong vụ án này. Nếu sau này bà Dương Thị D có yêu cầu thì Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5]. **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tá D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tá D 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tá D cho UBND thị trấn H huyện Th Tỉnh B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tá D phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- VKSND huyện
- Công an Huyện
- Chi cục T.H.A huyện
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS-VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Quang Hòa

